

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tạo

Ông Trần Vĩnh Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Mã Tú T; Địa chỉ: Đường T, khóm B, phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Kim H; Địa chỉ: Đường T, khóm B, phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 04/9/2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mã Tú T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mã Tú T và ông Trần Kim H kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H tính tình hung hăng, bạo lực gia đình nên vào khoảng năm 2018 bà có nộp đơn xin ly hôn đến Tòa nhưng sau đó ông H hứa sẽ sửa đổi nên bà rút đơn, tuy nhiên sau đó ông H vẫn không thay đổi. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Kim H.

- Về con chung: Bà Mã Tú T trình bày, ông bà có 01 người con chung tên Trần Hòa C (nữ, sinh ngày 27/02/2014). Hiện cháu C đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hòa C cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Mã Tú T không yêu cầu ông Trần Kim H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Mã Tú T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Mã Tú T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Kim H, sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Trần Kim H không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án đã gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H 02 (hai) lần nhưng ông vẫn không tham gia.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Mã Tú T được ly hôn với ông Trần Kim H; Về con chung giao cháu Trần Hòa C (nữ, sinh ngày 27/02/2014) cho bà Mã Tú T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Hòa C đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Mã Tú T không yêu cầu ông Trần Kim H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mã Tú T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện thì bà Mã Tú T yêu cầu ly hôn với ông Trần Kim H và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mã Tú T và ông Trần Kim H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/02/2014, trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân theo bà T trình bày do ông H tính tình hung hăng, bạo lực gia đình. Mặc dù Tòa án ra thông báo về phiên hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ hai lần nhưng ông H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên Tòa hôm nay bà T vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Trần Kim H. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Mã Tú T cho bà được ly hôn với ông Trần Kim H.

Về con chung: Theo bà Mã Tú T trình bày, trong thời gian chung sống, ông bà có 01 người con chung tên Trần Hòa C (nữ, sinh ngày 27/02/2014). Hiện cháu Các đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hòa C cho đến khi cháu Các đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Hòa C đang do bà Mã Tú T trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định, mặt khác hiện cháu Các còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do đó căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Mã Tú T, giao cháu Trần Hòa C cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Các đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Mã Tú T không yêu cầu ông Trần Kim H cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Trần Kim H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hòa C mà không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mã Tú T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Bà Mã Tú T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: **Bà** Mã Tú T được ly hôn ông Trần Kim H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hòa C (nữ, sinh ngày 27/02/2014) cho bà Mã Tú T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Mã Tú T không yêu cầu ông Trần Kim H cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Trần Kim H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hòa C mà không ai có quyền ngăn cản.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mã Tú T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Bà Mã Tú T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004649 ngày 29/9/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng.

Bà Mã Tú T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Trần Kim H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên